

Số: 04/2024/QĐST-KDTM

Đông Hòa, ngày 06 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B;**

Địa chỉ: A Q, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trương Trọng Đ**, chức vụ: Phó Phòng Thẩm định Ngân hàng TMCP B Chi nhánh P; địa chỉ: A - A T, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (Theo giấy ủy quyền số 238A/2024/UQ-GDPY ngày 07/8/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh P)

- Bị đơn: Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1978 và bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn vợ chồng ông Trương Văn T, bà Lê Thị Kim C thừa nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B các khoản vay, số tiền còn nợ cụ thể như sau:

- **Khoản thứ nhất:** Hợp đồng tín dụng số 93/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023, theo khế ước nhận nợ số 02-93/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 19/02/2024, tính đến ngày 24/11/2024, bị đơn ông T, bà C còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 1.057.632.196đ (một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi sáu nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 16.310.958đ, tiền lãi chậm trả lãi: 41.321.238đ.

- **Khoản thứ hai:** Hợp đồng tín dụng số 94/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023, theo khế ước nhận nợ số 94.1 (Theo HĐTD số 94/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/8/2023) ngày 25/8/2023, tính đến ngày 24/11/2024, bị đơn ông T, bà C còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 176.770.602đ (một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn sáu trăm lẻ hai đồng); trong đó nợ gốc là 166.701.656đ, nợ lãi trong hạn là 776.195đ, nợ lãi quá hạn là 8.445.252đ, lãi chậm trả lãi là 847.499đ.

- **Khoản thứ ba:** Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 780-517267861844 ngày 24/10/2023, tính đến ngày 25/11/2024, bị đơn ông T, bà C còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 22.472.905đ (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm lẻ năm đồng).

- **Khoản thứ ba:** Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 780-514921530742 ngày 24/10/2023, tính đến ngày 25/11/2024, bị đơn ông T, bà C còn nợ và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 15.570.388đ (mười lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm tám mươi tám đồng).

**2.2.** Kể từ ngày 25/11/2024, ông Trương Văn T, bà Lê Thị Kim C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số 93/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023 và hợp đồng tín dụng số 94/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023 đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

**2.3.** Kể từ ngày 26/11/2024, ông Trương Văn T, bà Lê Thị Kim C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo các Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 780-517267861844 ngày 24/10/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 780-514921530742 ngày 24/10/2023 đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

**2.4.** Trường hợp bị đơn ông Trương Văn T và bà Lê Thị Kim C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 93/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023 và Hợp đồng tín dụng số 94/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023 đã ký kết thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1416, tờ bản đồ số: 353-D; địa chỉ thửa đất: Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 232594, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00167 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/10/2011 cho người sử dụng đất ông Trương Văn T và bà Lê Thị Kim C để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 93/2023/HĐTC/BACABANK.780 ngày 24/8/2023 và văn bản cam kết ngày 25/8/2023 đã ký kết.

**2.5.** Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nêu trên, ông Trương Văn T, bà Lê Thị Kim C vẫn chưa trả hết nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B thì ông

Trương Văn T, bà Lê Thị Kim C vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại theo các hợp đồng tín dụng số 93/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023, Hợp đồng tín dụng số 94/2023/HĐTD/BACABANK.780 ngày 24/08/2023, giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 780-514921530742 ngày 24/10/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 780-514921530742 ngày 24/10/2023 đã ký kết.

**2.6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Bị đơn ông Trương Văn T, bà Lê Thị Kim C tự nguyện chịu 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bị đơn ông T, bà C có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

**2.7. Về án phí:** Bị đơn ông Trương Văn T và bà Lê Thị Kim C tự nguyện chịu 25.086.000đ (hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 23.500.000đ (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0003504 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

**THẨM PHÁN**

**Trần Nhật Trường**